

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ T
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 104/2020/HS-ST

Ngày: 09-6-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ T, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Sơn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Huỳnh Thị Lượng;
2. Bà Nguyễn Thị Ngọc Anh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Dung – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Trọng - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 104/2020/TLST-HS ngày 21 tháng 5 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 100/2020/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 5 năm 2020 đối với bị cáo:

Họ và tên: Nguyễn Thanh T1, sinh năm 1981 tại Bình Dương; hộ khẩu thường trú: Khu phố 3, phường T, thị xã B, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Thợ sửa máy lạnh; trình độ học vấn: 09/12, quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1939 và bà Trần Thị A, sinh năm 1939 (đã chết); bị cáo có vợ tên Phạm Thị Bích L, sinh năm 1983 (đã ly hôn), bị cáo có 02 con, con lớn nhất sinh năm 2001, con nhỏ nhất sinh năm 2006; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Ông Yu Hong F, sinh năm 2001; địa chỉ: Khu phố 8, phường Uyên Hưng, thị xã T, tỉnh Bình Dương (vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Bà Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm 2002; địa chỉ: khu phố 2, phường Tân Định, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương (vắng mặt).

- Người làm chứng: Bà Nguyễn Thị Huệ, sinh năm 1996 (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 07-01-2020, do máy lạnh phòng ngủ của ông Yu Hong F (nhân viên Công ty TNHH V – khu phố 8, phường Uyên Hưng, thị xã T, tỉnh Bình Dương) bị hư nên ông F yêu cầu bà Nguyễn Thị Huệ gọi nhân viên đến sửa máy lạnh. Bà Huệ gọi điện thoại cho Nguyễn Thanh T1 đến sửa máy lạnh. Ngày 08-01-2020, T1 điều khiển xe mô tô biển số 61G1-612.52 đến Công ty V để sửa máy lạnh. Khi T1 đến Công ty, bà Huệ dẫn T1 vào phòng ngủ của ông F, yêu cầu T1 sửa máy lạnh. Trong lúc sửa máy lạnh, T1 nhìn thấy ba lô của ông F treo trên giá để đồ không khóa, bên trong có một điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 loại 16G màu vàng và một chiếc nhẫn vàng. Lúc này, T1 nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản nên dùng tay phải lấy chiếc điện thoại di động và chiếc nhẫn cất giấu vào túi quần phía trước, bên trái đang mặc. Sau đó, T1 bảo với bà Huệ ngày 09-01-2020 T1 sẽ tiếp tục đến sửa máy lạnh và điều khiển xe về nhà. Đến 16 giờ 00 phút cùng ngày, ông F phát hiện mất điện thoại di động và nhẫn nên đến trình báo Công an phường Uyên Hưng, thị xã T, tỉnh Bình Dương. Cùng ngày 08-01-2020, T1 đến Công an phường Uyên Hưng tự thú và khai nhận hành vi phạm tội của T1.

Vật chứng thu giữ gồm: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6, 16G màu vàng và 01 (một) nhẫn vàng; 01 (một) xe mô tô biển số 61G1-612.52, 01 (một) ổ cắm, dây điện màu đen nhãn hiệu Vinakip. Công an phường Uyên Hưng lập hồ sơ chuyên Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thị xã T thụ lý theo thẩm quyền.

Tại Kết luận định giá tài sản số 86/KLTS-TTHS ngày 06-3-2020 kết luận: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 loại 16G màu vàng có trị giá là 2.350.000 đồng, 01 (một) nhẫn đeo tay bằng hợp kim vàng, trọng lượng 20,0840g, loại vàng 23K đã qua sử dụng có trị giá là 23.779.456 đồng.

Ngày 18-3-2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã T, tỉnh Bình Dương ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại cho ông Yu Hong F 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 loại 16G màu vàng và 01 (một) nhẫn đeo tay bằng hợp kim vàng. Sau khi nhận lại tài sản, ông F không có yêu cầu gì khác.

Xe mô tô biển số 61G1-612.52 do bà Nguyễn Thị Ngọc H (con ruột T1) đứng tên đăng ký chủ sở hữu. Ngày 08-01-2020, do T1 không có xe để đi làm nên mượn xe của H, việc T1 sử dụng xe mô tô biển số 61G1-612.52 làm phương tiện phạm tội H không biết. Ngày 18-5-2020, Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thị xã T ban hành Quyết định xử lý vật chứng số 68 và trả lại xe mô tô trên cho bà H. H không có yêu cầu gì khác.

Tại bản Cáo trạng số 115/CT-VKS.TU ngày 21-5-2020 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã T quyết định: Truy tố bị cáo Nguyễn Thanh T1 về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa: Giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo như nội dung cáo trạng. Hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo có bà ngoại là bà Nguyễn Thị Lựu là bà

mẹ Việt Nam anh Hùng, bị cáo nhận thức hành vi của mình là vi phạm pháp luật nên đầu thú, bị hại có đơn xin bãi nại, xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh T1 từ 09 (chín) đến 12 (mười hai) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” nhưng cho hưởng án treo.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị tịch thu, tiêu hủy 01 ổ cắm, dây điện màu đen hiệu Vinakip.

Tại phiên tòa, bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội như cáo trạng đã truy tố.

Bị cáo nói lời nói sau cùng: Bị cáo hối hận về hành vi của mình, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] Bị hại ông Yu Hong F, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Ngọc H, người làm chứng bà Nguyễn Thị H1 vắng mặt tại phiên tòa. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra, những người này đã có lời khai đầy đủ và ông F, bà H không có yêu cầu gì khác, việc vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Do đó, căn cứ Điều 292, 293 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông Yu Hong F, bà Nguyễn Thị Ngọc H và bà Nguyễn Thị Huệ.

[3] Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Thanh T1 đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng đã truy tố. Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Ngày 08/01/2020, bị cáo Nguyễn Thanh T1 đã có hành vi lén lút lấy trộm 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 loại 16G màu vàng có trị giá là 2.350.000 đồng, 01 (một) nhẫn đeo tay bằng hợp kim vàng, trọng lượng 20,0840g, loại vàng 23K đã qua sử dụng có trị giá là 23.779.456 đồng. Bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật. Như vậy, hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Do vậy, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã T truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[4] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp của bị hại. Bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vì ham muốn nhất thời nên bị cáo đã thực hiện hành vi phạm

tội, bất chấp hậu quả. Do đó, cần có hình phạt tương xứng để giáo dục bị cáo, bảo vệ trật tự xã hội. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử xem xét toàn diện tính chất, mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo.

[5] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo: Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; tài sản đã được thu hồi trả lại cho bị hại, bị cáo có bà ngoại là bà Nguyễn Thị Lựu là bà mẹ Việt Nam anh hùng, bị cáo nhận thức hành vi của mình là vi phạm pháp luật nên đầu thú, bị hại có đơn xin bãi nại, xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm i, khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Hội đồng xét xử nhận thấy bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, ngoài lần phạm tội này thì bản thân bị cáo luôn chấp hành tốt chính sách pháp luật tại địa phương, có nơi cư trú rõ ràng, bản thân các bị cáo có khả năng tự cải tạo và không gây ảnh hưởng xấu đến công tác đấu tranh phòng ngừa tội phạm. Đây là điều kiện để được hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 Bộ luật Hình sự. Do đó, xét thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự cho bị cáo hưởng án treo nhằm thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật và giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian nhất định cũng đủ sức tác động giáo dục các bị cáo trở thành công dân tốt, không gây nguy hiểm cho xã hội mà vẫn đảm bảo công tác đấu tranh phòng ngừa tội phạm.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng: Đối với 01 ổ cắm, dây điện màu đen hiệu Vinakip không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy. Bị cáo không có yêu cầu nhận lại.

[8] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về tội danh, mức hình phạt và biện pháp xử lý vật chứng là phù hợp.

[9] Về án phí: Bị cáo phải nộp theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thanh T1 phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Về hình phạt: Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65; Điều 47 Bộ luật Hình sự; Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15-05-2018 hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh T1 09 (Chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 (Mười tám) tháng. Thời gian thử thách tính kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường T, thị xã B, tỉnh Bình Dương giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, bị cáo Nguyễn Thanh T1 cố ý vi phạm nghĩa vụ hai lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng: căn cứ Điều 46, Điều 47 của Bộ luật hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu, tiêu hủy 01 ổ cắm, dây điện màu đen hiệu Vinakip (theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 08-6-2020 tại chi cục Thi hành án dân sự)

4. Về án phí: Căn cứ Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nguyễn Thanh T1 phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- Bị cáo; (1)
- Bị hại (1);
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (01);
- VKSND thị xã T; (1)
- VKSND tỉnh Bình Dương; (1)
- TAND tỉnh Bình Dương; (1)
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương; (1)
- PV06- Công an tỉnh Bình Dương; (1)
- UBND phường Tân Định, thị xã Bến Cát; (1)
- Cơ quan CSĐT Công an thị xã T; (1)
- Cơ quan THAHS Công an thị xã T; (2)
- Chi cục THADS thị xã T; (1)
- Lưu: VT, HS. (2)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Sơn